TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/DS-ST
Ngày: 22/9/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Gấm.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cảnh.
2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lan Chi – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 7-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 570/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Lệ H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 187/C18 ấp Đ, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 502 QL50, khu phố 25, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Phan Thị Thu T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp B, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

Ông H có mặt, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2023 đến năm 2024, bà Phan Thị Thu T có hợp đồng vay tiền của bà Phan Lệ H nhiều lần, cụ thể: Lần 1: ngày 16/10/2023 vay 100.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng, lãi suất thoả thuận 5%/tháng, mục đích vay là cho con đi du học. Lần 2: Ngày 08/11/2023 vay 180.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng, lãi suất 5%/tháng, mục đích vay là đóng học phí cho con. Lần 3: Ngày 17/01/2024 vay 80.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng, không tính lãi. Lần 4: Ngày 22/01/2024 vay 47.000.000 đồng, thời hạn 03 ngày, không tính lãi. Tổng cộng 4 lần vay là

407.000.000 đồng. Từ lúc vay đến nay bà T không đóng lãi và cũng không trả tiền gốc. Do đó bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền đã vay là 407.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0.83%/tháng như sau:

- Khoản vay 100.000.000 đồng tính lãi từ ngày 17/12/2023 đến ngày 17/9/2025 là 21 tháng.

- Khoản vay 180.000.000 đồng tính lãi từ ngày 09/01/2024 đến ngày 09/9/2025 là 20 tháng.

- Khoản vay 80.000.000 đồng tính lãi từ ngày 18/02/2024 đến ngày 18/9/2025 là 19 tháng.

- Khoản vay 47.000.000 đồng tính lãi từ ngày 26/01/2024 đến ngày 16/8/2025 là 19 tháng, tuy nhiên bà H giảm 01 tháng còn lại 18 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Vĩnh Long phát biểu:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Lệ H. Buộc bà Phan Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ vay là 407.000.000 đồng, lãi suất đối với biên lai nhận tiền ngày 16/10/2023 tính từ ngày 17/12/2023 đến 17/9/2025 (21 tháng); biên lai nhận tiền ngày 08/11/2023 tính từ ngày 09/01/2024 đến 09/9/2025 (20 tháng); biên lai nhận tiền ngày 17/01/2024 tính từ ngày 18/02/2024 đến 18/9/2025 (19 tháng) và biên lai nhận tiền ngày 22/01/2024 tính lãi từ ngày 26/01/2024 đến 26/8/2025 (tròn 18 tháng), mức 0.83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Phan Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án được xét xử vắng mặt bà T.

[2] Bà Phan Lệ H khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Thu T phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền đã cho vay tổng cộng là 407.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi. Căn cứ để bà H khởi kiện là các "Biên lai nhận tiền" đề ngày 16/10/2023, ngày 08/11/2023, ngày 17/01/2024, ngày 22/01/2024 ở mục bên nhận tiền có ghi rõ "... Họ tên là Phan Thị Thu T, sinh năm 1981, chứng minh nhân dân số 321056248... nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 5 - L – G – Bến Tre.....". Đồng thời ở mục bên B có ký tên và ghi rõ họ tên "Phan Thị Thu T...". Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nên không ghi nhận được ý kiến. Bà T cũng không đến Toà án trình bày ý kiến hay trình bày lời phản đối đối với

yêu cầu khởi kiện của bà H và cũng không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*". Do đó, bà T phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh. Đồng thời, tại Điều 463 của Bộ luật dân sự cũng quy định: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản...*". Từ đó, có căn cứ để xác định giữa bà H và bà T có hợp đồng vay tài sản. Vì vậy, cần buộc bà T phải có nghĩa vụ trả số tiền vay cho bà H tổng cộng là 407.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Bà H yêu cầu bà T trả lãi với mức lãi suất 0.83%/tháng. Nhận thấy, giữa bà H và bà T đã giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau theo Điều 463 của Bộ luật dân sự. Đối với biên lai nhận tiền ngày 16/10/2023 và ngày 08/11/2023 thì đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, bà H yêu cầu tính lãi là phù hợp. Lãi suất các bên thoả thuận 5%/tháng là vượt quá mức lãi quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (20%/năm). Tuy nhiên, từ lúc vay đến nay bà T chưa trả tiền lãi cho bà H. Vì vậy, bà H yêu cầu tính lãi 0.83%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Đối với Biên lai nhận tiền ngày 17/01/2024, ngày 22/01/2024 hai bên không thoả thuận lãi và tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận chỉ cho vay trong thời gian ngắn nên không tính lãi. Vì vậy, bà H yêu cầu tính lãi 0.83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận. Như vậy, cụ thể số tiền lãi được chấp nhận như sau:

- Khoản vay 100.000.000 đồng tính lãi từ ngày 17/12/2023 đến ngày 17/9/2025 là 21 tháng với số tiền là: 100.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 21 tháng = 17.430.000 đồng.

- Khoản vay 180.000.000 đồng tính lãi từ ngày 09/01/2024 đến ngày 09/9/2025 là 20 tháng với số tiền là: 180.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 20 tháng = 29.880.000 đồng.

- Khoản vay 80.000.000 đồng tính lãi từ ngày 18/02/2024 đến ngày 18/9/2025 là 19 tháng với số tiền là: 80.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 19 tháng = 12.616.000 đồng.

- Khoản vay 47.000.000 đồng tính lãi từ ngày 26/01/2024 đến ngày 16/8/2025 là 19 tháng, ghi nhận bà H giảm 01 tháng còn lại 18 tháng với số tiền là: 47.000.000 đồng x 0.83%/tháng = 7.021.800 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi là 66.947.800 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà T phải chịu là 22.957.912 đồng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Lệ H. Buộc bà Phan Thị Thu T phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ vay tổng cộng là 473.947.800 đồng (bốn trăm bảy mươi ba triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm đồng) (trong đó: tiền gốc là 407.000.000 đồng, tiền lãi là 66.947.800 đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Phan Lệ H không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.822.000 đồng (mười triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0007533 ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7-Vĩnh Long).

+ Bà Phan Thị Thu T phải chịu là 22.957.912 đồng (hai mươi hai triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7-Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Ngô Thị Gẩm